

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/DS-ST

Ngày: 15/6/2023.

V/v: "Tr/c Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Xuân Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Minh.

2. Bà Lê Thị Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen—Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện V1ện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Lê Muộn—Kiểm sát V1ện.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số số 95/2022/TLST-DS ngày 03/3/2023 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-DS ngày 12/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-DS ngày 30/5/2023 giữa các đương sự:

-N đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

Địa chỉ:Số A C, Phường B, Quận C, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V—Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc T—Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần N. Ông Trần Ngọc T ủy quyền lại cho cho ông Nguyễn Quốc H—Giám đốc Ngân hàng TMCP N—chi nhánh Ninh Thuận và ông **Đinh Gia H1**-nhân V1ện hỗ trợ kinh doanh Ngân hàng TMCP N-chi nhánh Ninh Thuận tham gia tố tụng. Địa chỉ: Số D đường E, phường T, thành phố P-Ninh Thuận (ông H1 có mặt).

3/ Bị đơn: Ông **Thái Thanh T** - sinh năm 1956 và bà **Trần Thị C** - sinh năm 1965. Cùng trú tại: Thôn N, xã P, huyện N, Ninh Thuận (vắng mặt).

4/ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh **Thái Thanh L** -sinh năm 1984

+ Anh **Thái T N** -sinh năm 1985

+ Chị **Thái Thị T V** -sinh năm 1991

+ Chị **Thái Thị T V1** -sinh năm 1990

Cùng trú tại: Thôn N, xã P, huyện N, Ninh Thuận.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm V1ệc tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP N là ông Lê Văn Hiệp trình bày:

Ngày 12/5/2017, ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C có ký hợp đồng tín số 0577/2017/414-CV, để vay vốn với số tiền 80.000.000đồng (*tám mươi triệu đồng*), mục đích vay tiêu dùng, vay theo hạn mức tín dụng. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 12%/năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn, lãi phạt chậm trả lãi 10%/năm, lãi suất điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần. Khi vay có ký hợp đồng thế chấp số 0402/2017/414-BĐ ngày 12/05/2017 để thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 191, tờ bản đồ số 28, diện tích 262m² tọa lạc tại thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN 02610 do UBND huyện N cấp ngày 28/12/1999 cho hộ ông Thái Thanh T. Trong quá trình vay vốn ông T, bà C có trả cho ngân hàng tiền gốc 57.362.000đồng và tiền lãi + lãi phạt 23.399.507đồng. Từ ngày 22/12/2020 cho đến nay thì ông T, bà C không trả nợ đúng hạn, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T, bà C vẫn không trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu ông T, bà C phải trả nợ tính đến ngày 06/6/2023 là 33.083.275đồng, trong đó: nợ gốc 22.638.000đồng + lãi trong hạn 2.235.848đồng + lãi quá hạn 7.772.215đồng + lãi phạt chậm trả 437.212đồng. Ông T, bà C còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/6/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng và duy trì tài sản theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Thái Thanh L, anh Thái T N, chị Thái Thị T V, chị Thái Thị T V1 không có mặt để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của N đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, N đơn Ngân hàng vẫn giữ N yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện V1ện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

-Về tố tụng: V1ệc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử (HĐXX) từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. V1ệc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay N đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Bị đơn ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Thái Thanh L, anh Thái T N, chị Thái Thị T V, chị Thái Thị T V1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Đề nghị HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N đơn, buộc bị đơn ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C phải trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền còn nợ tính đến ngày 06/6/2023 là 33.083.275đồng, trong đó: nợ gốc 22.638.000đồng + lãi trong hạn 2.235.848đồng + lãi quá hạn 7.772.215đồng + lãi phạt chậm trả 437.212đồng, và thanh toán khoản lãi phát sinh theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo thi hành án. Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa.

*Căn cứ kết quả xét hỏi công khai và nghe ý kiến của N đơn tại phiên tòa.
Sau khi Hội đồng xét xử nghị án.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

N đơn là Ngân hàng TMCP N khởi kiện bị đơn là ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C-là người có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Nội dung yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. HĐXX xác định quan hệ pháp luật của vụ án cần giải quyết là “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

[1.1] Xử lý về V1ệc vắng mặt của bị đơn ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Thái Thanh L, anh Thái T N, chị Thái Thị T V, chị Thái Thị T V1:

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về V1ệc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra V1ệc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của N đơn. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai để bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng họ vẫn vắng mặt. Điều này chứng tỏ, họ đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, cùng với tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Thái Thanh L, anh Thái T N, chị Thái Thị T V, chị Thái Thị T V1.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Ngân hàng TMCP Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C phải thanh toán khoản nợ đã vay. Do ông T, bà C đã thanh toán cho Ngân hàng được tiền gốc 57.362.000đồng và tiền lãi 23.399.507đồng. Kể từ ngày 22/01/2021 đến nay, ông T, bà C không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng. Ông T, bà C nhiều lần V1 phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (bằng 150% của lãi suất trong hạn).

Tại bản tự khai và bảng kê tình hình giao dịch tiền vay mà Đại diện Ngân hàng đã nộp xác định tính đến ngày 06/6/2023, ông T, bà C còn nợ ngân hàng tính đến ngày 06/6/2023 là 33.083.275đồng, trong đó: nợ gốc 22.638.000đồng + lãi trong hạn 2.235.848đồng + lãi quá hạn 7.772.215đồng + lãi phạt chậm trả 437.212đồng. Ông T, bà C còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/6/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Từ những tài liệu chứng cứ mà Ngân hàng đưa ra HĐXX nhận định: Hợp đồng tín dụng số 0577/2017/414-CV ngày 12/5/2017 được ký kết giữa ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C với Ngân hàng TMCP N-Chi nhánh Ninh Thuận để vay vốn với số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 12%/năm và lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm, phương thức trả nợ hàng tháng. Đây là giao dịch mà chủ thể tham gia có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự. Giao dịch giữa Ngân hàng với ông T, bà C được xác lập tự nguyện, mục đích và nội dung không VI phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên giao dịch hợp pháp, là căn cứ để giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên. Để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, Ngân hàng có quyền khởi kiện và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo VIệc thu hồi nợ. Đối chiếu tài liệu, chứng cứ mà ngân hàng cung cấp cho Tòa án, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Thái Thanh T, bà Trần Thị C và những người liên quan anh Thái Thanh L, anh Thái T N, chị Thái Thị T V, chị Thái Thị T V1 vắng mặt, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện mà Ngân hàng đưa ra.

[2.2] Về mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng cho vay 12%/ năm và lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Thấy rằng: Cách tính lãi suất của Ngân hàng là đúng như thỏa thuận giữa hai bên đã ký trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, *“Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn...Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất...”*

Tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt VI phạm quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập từ ngày 01/01/2017 như sau:

a/ Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất tương ứng với thời hạn vay chưa trả.

b/ Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng phải phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng.

[2.4] Xét yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C phải tiếp tục chịu lãi phát sinh đối với số nợ gốc tính từ ngày 07/6/2023 đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng.

HĐXX xét thấy: Theo nội dung Án lệ số 08/2016 ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao *“Đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này...”*, nên yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp. Vì vậy, buộc ông Thái

Thanh T, bà Trần Thị C phải chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T, bà C thanh toán xong các khoản nợ.

[2.5] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, căn cứ vào Điều 466 của BLDS 2015 và Khoản 2 Điều 92 BLTTDS 2015, HĐXX xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N đơn. Chấp nhận ý kiến của Kiểm sát V1ên phát biểu tại phiên tòa buộc ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C phải trả cho Ngân hàng TMCP N tính đến ngày 06/6/2023 là 33.083.275đồng , trong đó: nợ gốc 22.638.000đồng + lãi trong hạn 2.235.848đồng + Lãi quá hạn 7.772.215đồng + lãi phạt chậm trả 437.212đồng.

[3] *Về hợp đồng thế chấp*: Đối với hợp đồng thế chấp số 0402/2017/414-BĐ ngày 12/05/2017 được ký kết giữa ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C với Ngân hàng TMCP N đối với thửa đất số 191, tờ bản đồ số 28, diện tích 262m² tọa lạc tại thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ cấp GCN 02610 do UBND huyện N cấp ngày 28/12/1999 cho hộ ông Thái Thanh T. Qua xem xét thẩm định tài sản xác định trên thửa đất số 191 có 01 căn nhà và công trình phụ. Quá trình ký kết hợp đồng thế chấp tài sản chỉ công chứng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, không đề cập tài sản trên đất. Nên HĐXX xét thấy hợp đồng chỉ thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất.

[4] *Về án phí và chi phí tố tụng*:

[4.1] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí thẩm định tài sản thế chấp là 3.000.000đồng (ba triệu đồng), ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C phải chịu. Do Ngân hàng TMCP N đã đóng tạm ứng chi phí 3.000.000đồng, nên ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C có trách nhiệm phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N chi phí thẩm định tài sản là 3.000.000đồng (ba triệu đồng).

[4.2] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của N đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.654.000đồng (làm tròn số, cách tính: 5% của số tiền 33.083.275^d), theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, khoản 1 Điều 147; Điều 199; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 117, 280, 351, 357, Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt V1 phạm.

Án lệ số 08/2016 ngày 17/10/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N đối với bị đơn ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C.

Buộc ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP N cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0577/2017/414-CV ngày 12/5/2017 với số tiền nợ gốc 22.638.000đồng + lãi trong hạn 2.235.848đồng + lãi quá hạn 7.772.215đồng + lãi phạt chậm trả 437.212đồng (tính đến ngày 06/6/2023). Tổng cộng là 33.083.275^d (ba mươi ba triệu, không trăm tám mươi ba ngàn, hai trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0577/2017/414-CV ngày 12/5/2017 giữa Ngân hàng TMCP N và ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 0402/2017/414-BĐ ngày 12/05/2017 được ký kết giữa ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C với Ngân hàng TMCP N để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

2. Về chi phí tố tụng: ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N chi phí thẩm định tài sản là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

3. Về án phí: Ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.654.000đồng (một triệu, sáu trăm năm mươi bốn ngàn đồng).

Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền 700.000đồng (bảy trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002377, ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần N có mặt-quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 15/6/2023); bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt-quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

-Chi Cục THADS N;
-Lưu (hồ sơ, án văn).

Dương Thị Xuân Thủy

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 15 tháng 6 năm 2023,
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.
Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Xuân Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Minh và Bà Lê Thị Hường.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 95/2022/TLST-DS ngày 03/3/2022 về Việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa các đương sự:

-N đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.**

Địa chỉ: Số 201–203 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc Vũ–Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc Tâm–Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (theo quyết định số 1A/2023/QĐQT-NHNA ngày 03/01/2023 của Chủ tịch hội đồng quản trị). Ông Trần Ngọc Tâm ủy quyền lại cho ông Nguyễn Quốc Hùng–Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần N–Chi nhánh Ninh Thuận và ông **Đinh Gia Huấn**–Nhân Viên hỗ trợ kinh doanh Ngân hàng TMCP N–Chi nhánh Ninh Thuận tham gia tố tụng (Giấy ủy quyền số 265/2023/UQ-NHNA-Ninh Thuận ngày 23/02/2023). Địa chỉ: Số 40 đường 16/4, phường Tấn Tài, thành phố Phan Rang Tháp Chàm–Ninh Thuận (ông Huấn có mặt).

3/ Bị đơn: Ông **Thái Thanh T** - sinh năm 1956 và bà **Trần Thị C** - sinh năm 1965. Cùng trú tại: Thôn N, xã P, huyện N, Ninh Thuận (vắng mặt).

4/ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh **Thái Thanh L** -sinh năm 1984

+ Anh **Thái T N** -sinh năm 1985

+ Chị **Thái Thị T V** -sinh năm 1991

+ Chị **Thái Thị T V1** -sinh năm 1990

Cùng trú tại: Thôn N, xã P, huyện N, Ninh Thuận.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về quan hệ tranh chấp: Đây là Vụ việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

Biểu quyết 3/3.

2. Điều luật áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, khoản 1 Điều 147; Điều 199; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 117, 280, 351, 357, Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt V1 phạm.

Án lệ số 08/2016 ngày 17/10/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết 3/3.

3. Nội dung: **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N đối với bị đơn ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C.

Buộc ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP N cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0577/2017/414-CV ngày 12/5/2017 với số tiền nợ gốc 22.638.000đồng + lãi trong hạn 2.235.848đồng + lãi quá hạn 7.772.215đồng + lãi phạt chậm trả 437.212đồng (tính đến ngày 06/6/2023). Tổng

cộng là 33.083.275^d (ba mươi ba triệu, không trăm tám mươi ba ngàn, hai trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0577/2017/414-CV ngày 12/5/2017 giữa Ngân hàng TMCP N và ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 0402/2017/414-BĐ ngày 12/05/2017 được ký kết giữa ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C với Ngân hàng TMCP N để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

2.Về chi phí tố tụng: ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N chi phí thẩm định tài sản là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

3.Về án phí: Ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.654.000đồng (một triệu, sáu trăm năm mươi bốn ngàn đồng).

Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền 700.000đồng (bảy trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002377, ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3.Quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần N có mặt-quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 15/6/2023); bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt-quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Biểu quyết 3/3.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 30/5/2023. tại phòng nghị án của Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Xuân Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Minh và Bà Lê Thị Hường.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 95/2022/TLST-DS ngày 03/3/2022 về V1ệc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa các đương sự:

-N đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.**

Địa chỉ: Số 201–203 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc Vũ–Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc Tâm–Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (theo quyết định số 1A/2023/QĐQT-NHNA ngày 03/01/2023 của Chủ tịch hội đồng quản trị). Ông Trần Ngọc Tâm ủy quyền lại cho ông Nguyễn Quốc Hùng–Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần N–Chi nhánh Ninh Thuận và ông **Đinh Gia Huấn**-Nhân Viên hỗ trợ kinh doanh Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh Ninh Thuận tham gia tố tụng (Giấy ủy quyền số 265/2023/UQ-NHNA-Ninh Thuận ngày 23/02/2023). Địa chỉ: Số 40 đường 16/4, phường Tấn Tài, thành phố Phan Rang Tháp Chàm-Ninh Thuận (ông Huấn có mặt).

3/ Bị đơn: Ông **Thái Thanh T** - sinh năm 1956 và bà **Trần Thị C** - sinh năm 1965. Cùng trú tại: Thôn N, xã P, huyện N, Ninh Thuận (vắng mặt).

4/ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh **Thái Thanh L** -sinh năm 1984

+ Anh **Thái T N** -sinh năm 1985

+ Chị **Thái Thị T V** -sinh năm 1991

+ Chị **Thái Thị T V1** -sinh năm 1990

Cùng trú tại: Thôn N, xã P, huyện N, Ninh Thuận.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt)

Xét thấy: Bị đơn và những người liên quan vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử thảo luận, biểu quyết và quyết định 3/3 vấn đề của vụ án như sau:

Căn cứ vào khoản 1 điều 227, điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Quyết định hoãn phiên tòa dân sự thụ lý số 95/2022/TLST-DS ngày 03/3/2022.

Thời gian và địa điểm mở lại phiên tòa được ấn định xét xử lại vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 15/6/2023.

BÁO CÁO, ĐỀ XUẤT GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Người báo cáo: Dương Thị Xuân Thủy-thẩm phán.

Ngày báo cáo 06/6/2023,

Ngày xét xử 15/6/2023.

Đối với vụ án dân sự: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng* giữa:

-N đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.**

Địa chỉ:Số 201–203 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Đinh Gia Huân**-Nhân Viên hỗ trợ kinh doanh Ngân hàng TMCP N-Chi nhánh Ninh Thuận tham gia tố tụng. Địa chỉ: Số 40 đường 16/4, phường Tấn Tài, thành phố Phan Rang Tháp Chàm-Ninh Thuận.

Bị đơn: Ông **Thái Thanh T** - sinh năm 1956 và bà **Trần Thị C** - sinh năm 1965. Cùng trú: Thôn N, P, N, Ninh Thuận

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Thái Thanh L**-sinh 1984; Anh **Thái T N**-sinh 1985; Chị **Thái Thị T Vâ** -sinh 1991; Chị **Thái Thị T V1**-sinh 1990. Cùng trú: N, P, N,

Tóm tắt nội dung vụ án

Đại diện ngân hàng ý kiến: Ngày 12/5/2017, ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C có ký hợp đồng tín số 0577/2017/414-CV, để vay vốn 80.000.000đồng, mục đích vay tiêu dùng, vay theo hạn mức tín dụng. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 12%/năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn, lãi phạt chậm trả lãi 10%/năm, lãi suất điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần. Khi vay có ký hợp đồng thế chấp số 0402/2017/414-BĐ ngày 12/05/2017 để thế chấp có quyền sử dụng đất tại thửa đất số 191, tờ bản đồ số 28, diện tích 262m² tọa lạc tại thôn N, xã P, huyện N, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ cấp GCN: 02610 do UBND huyện N cấp ngày 28/12/1999 cho hộ ông Thái Thanh T. Trong quá trình vay vốn ông T, bà C có trả cho ngân hàng tiền gốc 57.362.000đ và tiền lãi + lãi phạt 23.399.507đ. Từ ngày 22/12/2020 cho đến nay thì ông T, bà C không trả nợ đúng hạn, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng

ông Tường, bà C vẫn không trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu ông T, bà C phải trả nợ tính đến ngày 06/6/2023 là 33.083.275^d, trong đó: nợ gốc 22.638.000 đồng + lãi trong hạn 2.235.848đ + lãi quá hạn 7.772.215đ + lãi phạt chậm trả 437.212đ. Ông T, bà C còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/6/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng và duy trì tài sản theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Thái Thanh L, anh Thái T N, chị Thái Thị T V, chị Thái Thị T V1 không có mặt để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của N đơn.

Nhận định

Ngân hàng TMCP Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C phải thanh toán khoản nợ đã vay. Do ông T, bà C đã thanh toán cho Ngân hàng được tiền gốc 57.362.000đ và tiền lãi 23.399.507đ. Kể từ ngày 22/01/2021 đến nay, ông T, bà C không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng. Ông T, bà C nhiều lần V1 phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (bằng 150% của lãi suất trong hạn). Tại bản tự khai và bảng kê tình hình giao dịch tiền vay mà Đại diện Ngân hàng đã nộp xác định tính đến ngày 06/6/2023, Ông T, bà C còn nợ ngân hàng tính đến ngày 06/6/2023 là 33.083.275^d, trong đó: nợ gốc 22.638.000 đồng + lãi trong hạn 2.235.848đ + lãi quá hạn 7.772.215đ + lãi phạt chậm trả 437.212đ. Ông T, bà C còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/6/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Từ những tài liệu chứng cứ mà Ngân hàng đưa ra nhận định: Hợp đồng tín dụng số 0577/2017/414-CV ngày 12/5/2017 được ký kết giữa ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C với Ngân hàng TMCP N-Chi nhánh Ninh Thuận để vay vốn với số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 12%/năm và lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm, phương thức trả nợ hàng tháng. Đây là giao dịch mà chủ thể tham gia có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự. Giao dịch giữa Ngân hàng với ông T, bà C được xác lập tự nguyện, mục đích và nội dung không V1 phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên giao dịch hợp pháp, là căn cứ để giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên. Để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, Ngân hàng có quyền khởi kiện và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo V1ệc thu hồi nợ. Đối chiếu tài liệu, chứng cứ mà ngân hàng cung cấp cho Tòa án, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn T, bà C và những người liên quan vắng mặt, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện mà Ngân hàng đưa ra.

Về mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng cho vay 12%/ năm và lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Thấy rằng: Cách tính lãi suất của Ngân hàng là đúng như thỏa thuận giữa hai bên đã ký trong Hợp đồng tín dụng, phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, “*Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công*

khai mức lãi suất huy động vốn...Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất...”

Tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt V1 phạm quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập từ ngày 01/01/2017 như sau:

a/ Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất tương ứng với thời hạn vay chưa trả.

b/ Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng phải phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng.

Xét yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C phải tiếp tục chịu lãi phát sinh đối với số nợ gốc tính từ ngày 07/6/2023, đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng.

HĐXX xét thấy: Theo nội dung Án lệ số 08/2016 ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao “*Đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này...*”, nên yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp. Vì vậy, buộc ông T, bà C phải chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T, bà C thanh toán xong các khoản nợ.

Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, căn cứ vào Điều 466 của BLDS 2015 và Khoản 2 Điều 92 của BLTTDS 2015, HĐXX xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N đơn. Chấp nhận ý kiến của Kiểm sát V1ên phát biểu tại phiên tòa buộc ông T, bà C phải trả cho Ngân hàng TMCP N tính đến ngày 06/6/2023 là 33.083.275^d, trong đó: nợ gốc 22.638.000 đồng+lãi trong hạn 2.235.848đ+Lãi quá hạn 7.772.215đ+lãi phạt chậm trả 437.212đ.

Về hợp đồng thế chấp: Đối với hợp đồng thế chấp số 0402/2017/414-BĐ ngày 12/05/2017 được ký kết giữa ông T, bà C với Ngân hàng TMCP N đối với thửa đất số 191, tờ bản đồ số 28, diện tích 262m² tọa lạc tại thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN: 02610 do UBND huyện N cấp ngày 28/12/1999 cho hộ ông Thái Thanh T. Qua xem xét thẩm định tài sản xác định trên thửa đất số 191 có 01 căn nhà và công trình phụ. Quá trình ký kết hợp đồng thế chấp tài sản chỉ công chứng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, không đề cập tài sản trên đất, xét thấy hợp đồng chỉ thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất.

Đề xuất hướng giải quyết

*Từ các nhận định trên căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, khoản 1 Điều 147; 199; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 117, 280, 351, 357, Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N đối với bị đơn ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C.

Buộc ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP N cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0577/2017/414-CV ngày 12/5/2017 với số tiền nợ gốc 22.638.000 đồng + lãi trong hạn 2.235.848đ + lãi quá hạn 7.772.215đ + lãi phạt chậm trả 437.212đ (tính đến ngày 06/6/2023). Tổng cộng là 33.083.275^d.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0577/2017/414-CV ngày 12/5/2017, giữa Ngân hàng TMCP N và ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 0402/2017/414-BĐ ngày 12/05/2017 được ký kết giữa ông Thái Thanh T, bà Trần Thị C với Ngân hàng TMCP N để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

Ý kiến của Phó Chánh án:

.....
.....
.....
.....

Ý kiến của Chánh án:

.....
.....
.....
.....

Người báo cáo, đề xuất

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín. Buộc bà Trần Thị Mai Trang phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử, ngày 30/7/2020 là 11.471.264 đồng (*Mười một triệu, bốn trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm sáu mươi bốn đồng*), trong đó nợ gốc là 4.291.884 đồng và nợ lãi quá hạn 7.179.380 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trang còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Mai Trang phải chịu 573.500 đồng (*Năm trăm bảy mươi ba ngàn, năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 240.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0021242, ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3/. Về quyền kháng cáo: N đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Phạm Xuân Thành

Trần Thị Huệ

Ngô Thị Trang

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 **giờ 45 phút**, ngày 11 tháng 11 năm 2019,
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.
Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Xuân Thành**
2. Bà **Trần Thị Huệ**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2019/TLST-DS ngày 17/6/2019 về V1ệc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản trong lĩnh vực tín dụng*" giữa các đương sự:

- *N đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1ệt Nam Thịnh Vượng.**

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ – Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí Dũng** – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Đỗ Thành Trung** – Phó Giám đốc Khối pháp chế và Kiểm soát tuân thủ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1ệt Nam Thịnh Vượng (Giấy ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị). Ông Trung ủy quyền lại cho ông **Đinh Văn Phong** – Chuyên V1ên

xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1ệt Nam Thịnh Vượng tham gia tố tụng (Giấy ủy quyền số 1008/2019/UQ-VPB ngày 08/01/2019). (Có mặt)

Địa chỉ: Tầng 2 Số 296 Phan Xích Long – Phường 7 – Quận Phú Nhuận – TP. Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị Bảo Ly** – sinh năm: 1993. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đá Bắn – Hộ Hải – Ninh Hải – Ninh Thuận.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về quan hệ tranh chấp: Đây là V1ệc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản trong lĩnh vực tín dụng*”

Biểu quyết 3/3.

2. Điều luật áp dụng:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016 ngày 17/10/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Biểu quyết 3/3.

3. Nội dung:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V1ệt Nam Thịnh Vượng đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Bảo Ly.

Buộc chị Nguyễn Thị Bảo Ly phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 573.980.000 đồng, nợ lãi 188.795.381 đồng của *Hợp đồng tín dụng số LN 1701210018059/ ASG/HĐTD ngày 25/01/2017* và số tiền nợ gốc 72.374.786 đồng, nợ lãi 34.865.623 đồng cho khoản vay theo hợp đồng số *CN/VN0010247/201701/165 ngày 21/01/2017* (thẻ tín dụng) tính đến ngày 11/11/2019. Tổng cộng là **870.015.790 đồng (Ghi bằng chữ)**.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm chị Nguyễn Thị Bảo Ly còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LN 1701210018059/ASG/HĐTD ngày 25/01/2017 và theo giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010247/201701/165 ngày 21/01/2017 giữa Ngân hàng và chị Nguyễn Thị Bảo Ly cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1701210018059/ASG/HĐTCSP ngày 25/01/2017 giữa giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1ệt Nam Thịnh Vượng với chị Nguyễn Thị Bảo Ly đối với chiếc xe ô tô tải pickup cabin kép nhãn hiệu CHEVROLET COLORAD, biển số 85C-036.22, số máy X3G163101076,

số khung 8PK0HH623467, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011347 do Công an tỉnh Ninh Thuận cấp cho chị Nguyễn Thị Bảo Ly ngày 24/01/2017 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bảo Ly phải nộp **38.118.567 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 18.000.000đ (*mười tám triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019358, ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các **điều 6, 7, 7a và 9** Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 11/11/2019); đối với bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án.

Biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 **giờ 15 phút** cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành Viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xuân Thành Trần Thị Huệ

Ngô Thị Trang

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày tại phòng nghị án của Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Trần Thị Thu Hằng.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Đinh Niệm, bà Huỳnh Thị Sâm.**

Đã tiến hành nghị án đối với vụ án “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” giữa:

- *N đơn:* Bà Nguyễn Thị Quý Kim, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn An Xuân 1, xã Xuân Hải, huyện Ninh Hải.

- *Bị đơn:* Nguru Thị Tươi, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn An Nhơn, xã Xuân Hải, huyện Ninh Hải.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phan Ngọc Linh, sinh năm 1970 (vắng mặt)

2. Bà Phan Thị Thảo Nhi, sinh năm 1993 (có mặt)

3. Ông Phan Ngọc Phú, sinh năm 1996 (có mặt)

4. Bà Võ Thị Phúc, sinh năm 1986 (vắng mặt)

5. Bà Vũ Thị Xuân Nhân, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn An Xuân 1, xã Xuân Hải, huyện Ninh Hải.

6. Văn phòng công chứng Thanh Hằng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh Bình – Trưởng văn phòng công chứng Thanh Hằng (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố Khánh Sơn, thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải.

7. Sở Tài N và môi trường tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện theo ủy quyền của Sở Tài N và môi trường tỉnh Ninh Thuận: Ông Phan Tấn Dũng – Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận chi nhánh huyện Ninh Hải (giấy ủy quyền số 1685/UQ-STNMT ngày 21/6/2021) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Xét thấy: Bị đơn và những người liên quan vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử thảo luận, biểu quyết và quyết định 3/3 vấn đề của vụ án như sau:

Căn cứ vào khoản 1 điều 227, điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Quyết định hoãn phiên tòa dân sự thụ lý số 112/2020/TLST-DS ngày 18/11/2020.

Thời gian và địa điểm mở lại phiên tòa được ấn định xét xử lại vào lúcgiờ phút ngày 30/11/2021

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành Viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành Viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Sâm

Đinh Niệm

Trần Thị Thu Hằng